

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2018/DS-ST

Ngày 26 tháng 11 năm 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thử

2. Ông Nguyễn Văn Ngư

Thư ký Tòa án: Bà Lưu Thị Thúy Vy, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hương, Kiểm sát viên

Ngày 26/11/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2018/TLST-DS, ngày 17 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2018/QĐST-DS ngày 11/10/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15/2018/QĐST-DS ngày 05/11/2018, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L (có mặt)

Địa chỉ: ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

* **Bị đơn:** Ông Đoàn Văn T (có mặt)

Địa chỉ: ấp Hậu B, xã Đại H, huyện Kế S, tỉnh Sóc T.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị Bích P (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ Đ, xã Thiện M, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

2. Ông Trần Trông C (vắng mặt)

3. Ông Trần Trông Đ (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Nguyễn Thị L (có mặt)

Địa chỉ: ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

4. Bà Trần Ngọc B (có mặt)

Địa chỉ: ấp Trà , thị trấn Châu T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

5. Bà **Trần Bích T** (có mặt)

6. Ông **Trần Hoàng N** (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu h, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T là của cha mẹ chồng cho chồng bà là ông Trần Văn Bé năm 1975 nhưng ông Đoàn Văn T quản lý sử dụng đến năm 1977 thì cho vợ chồng nguyên đơn 03 công, phần còn lại thì nguyên đơn đổi với người khác. Sau đó vợ chồng bà canh tác lúa trên phần đất trên, đến năm 1994 thì làm bằng khoán và được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn B vào ngày 21/9/1994. Từ khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến năm 2017, gia đình bà làm ổn định trên phần đất này đến tháng 02/2017, thì chồng bà chết. Đến tháng 4/2017, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà có cổ phần đất này cho bà Đỗ Thị T (ấp Cống Đ, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T). Cũng trong tháng 4/2017, thì ông Đoàn Văn T lại nhà và yêu cầu bà trả lại phần đất bà vừa cổ cho bà T, ông T cho rằng đây là đất của ông T cho chồng bà, giờ chồng bà đã chết nên ông T lấy lại đất. Bà mới nói: "Lúc chồng tôi sống, sao anh không đòi giờ chồng tôi mới chết mà anh lại đòi đất?", ông T vẫn đòi lại 03 công đất mà bà cho bà T cổ và ngăn cản không cho bà T làm lúa. Trong lúc đó bà T đã trực đất làm lúa nên tôi phải bồi thường cho bà T 10.350.000đ trong đó 9.000.000đ tiền cổ đất, 900.000đ tiền lúa giống và 450.000đ tiền trực đất. Bà đã đưa cho bà T 02 lần: lần đầu là 5.000.000đ, lần sau là 5.350.000đ. Nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Sóc T giải quyết:

- Buộc bị đơn Đoàn Văn T trả lại phần đất có diện tích khoảng 3.780m² tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T cấp cho hộ ông Trần Văn B ngày 21/9/1994.

- Buộc bị đơn Đoàn Văn T trả lại cho bà số tiền 10.350.000đ (Mười triệu ba trăm năm mươi đồng) là số tiền mà bà đã bồi thường cho bà Đỗ Thị T do bà T không thể sạ lúa trên phần đất mà đã nhận có của bà nhưng bị bị đơn Đoàn Văn T ngăn cản canh tác, trả đủ 01 lần và bà không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Đoàn Văn T trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T là của ông. Năm 1981 khi Nhà nước đào Kinh 30/4 thì ông Trần Văn B là em ruột của ông có nói với ông: "Đất của em

bị Nhà nước đào làm kinh nhiều quá, em không đủ đất để làm nuôi mấy đứa nhỏ, anh cho em mượn ít đất để làm nuôi vợ con", do thấy hoàn cảnh gia đình em ông quá khổ nên ông mới cho mượn 01 phần đất ruộng của mình, nhưng không biết diện tích chính xác khoảng bao nhiêu chỉ nhờ khoảng 3-4 công trở lại, nhưng có giao kèo là chỉ cho mượn làm không cho cõ hay cầm gì ai hết. Do là anh em với nhau nên không có làm giấy tờ cũng không có ai làm chứng. Sau đó thì gia đình ông B làm lúa trên phần đất ông cho mượn, còn việc ông B được cấp bằng khoán thì ông không hề hay biết. Đầu năm 2017 thì ông B chết, đến khoảng tháng 4/2017 ông có nghe bà L vợ ông B cõ đất của ông cho mượn cho người khác nên ông lại nhà yêu cầu trả đất, từ đó đến nay ông làm lúa trên phần đất của ông cho ông B mượn. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông có ý kiến:

Phần đất tranh chấp tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T là của ông cho gia đình ông B mượn, nhưng giờ ông B đã chết mà bà L lại không làm đất, mà lấy đi cõ cho người khác nên ông không cho mượn nữa và lấy lại làm lúa, đây là đất của ông không phải đất của gia đình ông B bà L nên ông không đồng ý trả đất cho bà L. Ông cũng không đồng ý trả cho bà Liên số tiền 10.350.000đ mà bà L cho rằng đã bồi thường cho người cõ đất. Vì đất ông cho gia đình ông B canh tác mấy chục năm nay, ông còn chưa lấy tiền lãi cho mượn đất thì không có lý do gì phải trả tiền cho gia đình ông B bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích P trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T là của ông bà để lại, cha ruột của bà là ông Trần Văn B và gia đình bà đã được cấp bằng khoán và sử dụng ổn định. Nên bà thống nhất và đồng ý với yêu cầu của mẹ bà là bà L, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại phần đất có diện tích khoảng 3.780m² tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trông C cùng người đại diện theo ủy quyền của ông C đều trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T là của ông bà để lại, cha ruột của ông là ông Trần Văn B và gia đình ông đã được cấp bằng khoán. Nên ông thống nhất và đồng ý với yêu cầu của mẹ ông là bà L, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại phần đất có diện tích khoảng 3.780m² tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Trông Đi trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T là của ông bà để lại, cha ruột

của ông là ông Trần Văn B và gia đình ông đã được cấp bằng khoán. Nên ông thống nhất và đồng ý với yêu cầu của mẹ ông là bà L, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại phần đất có diện tích khoảng 3.780m² tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc B trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T là của là của ông bà để lại, cha ruột bà là ông Trần Văn B và gia đình bà đã được cấp bằng khoán. Nên bà thống nhất và đồng ý với yêu cầu của mẹ bà là bà L, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại phần đất có diện tích khoảng 3.780m² tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích T trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T là của là của ông bà để lại, cha ruột bà là ông Trần Văn B và gia đình bà đã được cấp bằng khoán. Nên bà thống nhất và đồng ý với yêu cầu của mẹ bà là bà L, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại phần đất có diện tích khoảng 3.780m² tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng N trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T là của là của ông bà để lại, cha ruột của ông là ông Trần Văn B và gia đình ông đã được cấp bằng khoán. Nên ông thống nhất và đồng ý với yêu cầu của mẹ ông là bà L, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả lại phần đất có diện tích khoảng 3.780m² tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, đều vẫn giữ nguyên ý kiến như đã nêu trên, nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu phía bị đơn ông Đoàn Văn T phải bồi thường số tiền 10.350.000 đồng và thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn ông Đoàn Văn T trả lại phần đất theo kết quả đo đạc thực tế tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của TAND huyện Châu T ngày 16/8/2018 có diện tích là 4.964,6m². Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và thay đổi

nội dung yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T là của cha mẹ chồng của bà L cho chồng bà là ông Trần Văn B năm 1975 nhưng ông Đoàn Văn T quản lý sử dụng đến năm 1977 thì cho vợ chồng nguyên đơn 03 công, phần còn lại thì nguyên đơn đổi với người khác. Sau đó vợ chồng bà Liên canh tác lúa trên phần đất trên, đến năm 1994 thì làm bằng khoán và được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn B vào ngày 21/9/1994. Từ khi cấp bằng khoán cho đến năm 2017, gia đình bà L làm ổn định trên phần đất này đến tháng 02/2017, thì chồng bà L chết. Đến tháng 4/2017, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà Liên có cớ phần đất này cho bà Đỗ Thị T (ấp Cống Đ, xã Hồ Đắc K, huyện Châu T, tỉnh Sóc T). Cũng trong tháng 4/2017, thì ông Đoàn Văn T lại nhà và yêu cầu bà L trả lại phần đất bà vừa cớ cho bà Đỗ Thị T.

Trên cơ sở kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/8/2018 xác định phần đất tranh chấp có diện tích 4.964,6 m² tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 16 có số đo 106,6m.
- Hướng Tây giáp thửa 09, có số đo 102m
- Hướng Nam giáp thửa còn lại thửa 15, có số đo 48,3m
- Hướng Bắc giáp thửa 14, có số đo 47m

Diện tích: 4.964,6m². Loại đất lúa.

Tại Công văn số 756/UBND –VP ngày 21/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu T, tỉnh Sóc T cho rằng: Việc Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn B ngày 21/9/1994 đối với thửa 15, tờ bản đồ số 01, diện tích 9.170m², loại đất 2L (đất chuyên trồng lúa nước), đất tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, không đo đạc thực tế, là cấp đại trà theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông Trần Văn B ngày 08/10/1993, được Hội đồng đăng ký đất đai xã Phú T xác nhận đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm đăng ký. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Văn B nêu trên là cấp đại trà nên Ủy ban nhân dân huyện Châu T không có cơ sở để xác định thành viên hộ gia đình ông Trần Văn B tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy, Ông Trần Văn B là chồng của nguyên đơn, giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là do cha mẹ để lại và ông Đoàn Văn T quản lý, sử dụng đến năm 1977 ông T thấy vợ chồng nguyên đơn khó khăn nên đã cho vợ chồng nguyên đơn 03 công, phần còn lại của thửa này là do nguyên

đơn đối với người khác. Thửa đất này đã được gia đình nguyên đơn quản lý sử dụng từ năm 1977 đến nay.

Vào ngày 21/9/1994 UBND huyện Mỹ T cấp cho hộ ông Trần Văn B riêng thửa 15, tờ bản đồ số 01 có diện tích 9.170 m² tọa lạc ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, thì theo Điều 21 Nghị định 43/2014 về hướng dẫn thi hành luật đất đai 2013 quy định “*Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận)*”. Trong trường hợp này gia đình nguyên đơn đã sử dụng ổn định phần đất nêu trên từ năm 1977 đến nay đồng thời đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21/9/1994. Do đó yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở được chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Đoàn Văn T cho rằng: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ của ông cho ông và ông có cho ông Trần Văn B là chồng của bà L mượn để canh tác, nay ông B chết, ông đòi lại. Nhưng tại phiên tòa, ông Đoàn Văn T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh ông cho ông Bé mượn để canh tác, cho nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, thiết nghĩ cần buộc bị đơn ông Đoàn Văn T trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L diện tích 4.964,6m², đất tọa lạc tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 16 có số đo 106,6m.
- Hướng Tây giáp thửa 09, có số đo 102m
- Hướng Nam giáp thửa còn lại thửa 15, có số đo 48,3m
- Hướng Bắc giáp thửa 14, có số đo 47m

Diện tích: 4.964,6m². Loại đất lúa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu T tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đoàn Văn T trả lại cho nguyên đơn diện tích đất 4.964,6m², đất tọa lạc tại thửa 15, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 16 có số đo 106,6m.
- Hướng Tây giáp thửa 09, có số đo 102m

- Hướnđ Nam gáp thửa còn lại 15, có số đo 48,3m
 - Hướnđ Bắc gáp thửa 14, có số đo 47m
- Diện tích: 4.964,6m² . Loại đất lúa.

Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Đoàn Văn T trả lại cho nguyên đơn số tiền 10.350.000đ (*Mười triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*) là đúng theo quy định của pháp luật.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch. Tuy nhiên, do bị đơn ông Đoàn Văn T, sinh năm 1934 thuộc đối tượng là người cao tuổi (hiện nay trên 60 tuổi), nên Hội đồng xét xử quyết định cho bị đơn ông Đoàn Văn T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về nghĩa vụ nộp chi phí định giá tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng số 02/2012/UBTVQH13, ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trong trường hợp này, chi phí định giá tài sản mà nguyên đơn đã nộp số tiền 2.000.000 đồng đã thực hiện xong. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn đã tự nguyện chịu. Nên không đặt ra xem xét.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ Khoản 9 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 42 của Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng số 02/2012/UBTVQH13, ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bị đơn Đoàn Văn T bồi thường số tiền 10.350.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bị đơn ông Đoàn Văn T trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L diện tích đất 4.964,6m² tại thửa 15,

tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Giồng C, xã Phú T, huyện Châu T, tỉnh Sóc T, có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 16 có số đo 106,6m.
- Hướng Tây giáp thửa 09, có số đo 102m
- Hướng Nam giáp thửa còn lại thửa 15, có số đo 48,3m
- Hướng Bắc giáp thửa 14, có số đo 47m

Diện tích: 4.964,6m². Loại đất lúa.

3. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Bị đơn Đoàn Văn T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

4. Chi phí định giá tài sản 2.000.000 đồng nguyên đơn đã nộp và đã thực hiện xong, phía nguyên đơn tự nguyện chịu. Nên không đặt ra xem xét.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA Dân sự huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhẫn